

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1194/QĐ-UBND

*Phú Yên, ngày 02 tháng 8 năm 2011*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội  
vùng cao nguyên Vân Hòa tỉnh Phú Yên đến năm 2020**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 “Về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội”; số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 “Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội”;

Căn cứ Quyết định số 122/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020” và Công văn số 1877/UBND-TH ngày 12 tháng 9 năm 2008 của UBND tỉnh Phú Yên “Về việc tổ chức thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020”;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Phú Yên: số 185/QĐ-UB ngày 25 tháng 01 năm 2005 “Về việc phê duyệt kết quả nghiệm thu và triển khai kết quả nghiên cứu Đề tài: Nghiên cứu cơ sở khoa học để định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng cao nguyên Vân Hòa”; số 2514/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2005 “Về việc phê duyệt đề cương nghiên cứu và dự toán kinh phí dự án: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng cao nguyên Vân Hòa tỉnh Phú Yên đến năm 2020”; số 734/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2010 “Về việc phê duyệt đề cương cập nhật, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng cao nguyên Vân Hòa đến năm 2020”; số 803/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2010 “Về việc duyệt lại kinh phí cập nhật, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng cao nguyên Vân Hòa đến năm 2020”;

Căn cứ Thông báo số 19/TB-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2010 của UBND tỉnh Phú Yên “Về việc chủ trương giải quyết dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng cao nguyên Vân Hòa đến năm 2020”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (tại Tờ trình số 435/TTr-SKHĐT ngày 04 tháng 7 năm 2011),

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng cao nguyên Vân Hòa tỉnh Phú Yên đến năm 2020, với các nội dung như sau:

### **A. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN**

- Phát triển kinh tế - xã hội Vân Hòa phải phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, gắn với việc nâng cấp và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, chuẩn bị một bước về mọi mặt, hướng tới thành lập một đơn vị hành chính cấp huyện.

- Phát huy nội lực, khai thác hiệu quả ngoại lực, tranh thủ sự hỗ trợ đầu tư của Tỉnh và Trung ương, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực từ các thành phần kinh tế để thúc đẩy kinh tế vùng phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; thu hẹp khoảng cách thu nhập so với trung bình của Tỉnh.

- Phát triển kinh tế - xã hội phải chú trọng đến các ngành, lĩnh vực có lợi thế so với các khu vực xung quanh nhằm khai thác hiệu quả, đúng hướng, tạo bước phát triển nhanh, ổn định và bền vững.

- Phát huy yếu tố con người, xem con người là trung tâm của sự phát triển, chú trọng phát triển giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

- Phát triển kinh tế - xã hội bền vững, gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường củng cố quốc phòng an ninh, phát huy tình đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc đang sinh sống tại địa phương, thực hiện tốt chính sách phát triển đồng bào các dân tộc thiểu số.

### **B. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU**

#### **I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT**

Phát huy lợi thế về đất đai, vị trí địa lý, khí hậu; đẩy mạnh phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế để tạo bước phát triển đột phá mới về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sớm đưa kinh tế - xã hội Vân Hòa ra khỏi tình trạng chậm phát triển, đồng thời đẩy mạnh đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng tạo tiền đề hình thành

đơn vị hành chính cấp huyện.

## **II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU**

### **1. Về kinh tế**

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế theo giá trị gia tăng bình quân giai đoạn 2011-2020: 14%/năm, trong đó giai đoạn 2011-2015: 13,4%/năm, giai đoạn 2016-2020: 14,8%/năm.

- Giá trị gia tăng bình quân đầu người năm 2015: 14 triệu đồng (*tương đương khoảng: 763 USD*) và năm 2020: 25 triệu đồng (*tương đương khoảng 1.238 USD*).

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp, đến năm 2015 nông lâm ngư nghiệp giảm còn 40,1%; công nghiệp - xây dựng tăng lên 29,1%; dịch vụ tăng lên 30,8%, tương ứng đến năm 2020 là 30,1%; 36,1% và 33,8%.

- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 16,2%/năm, trong đó: giai đoạn 2011-2015 đạt 15,5%/năm và giai đoạn 2016-2020 đạt 16,7%/năm.

- Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội tăng bình quân 18,5 - 19%/năm, đến năm 2020 chiếm 45 - 50% giá trị gia tăng toàn vùng.

### **2. Các chỉ tiêu về xã hội**

- Duy trì tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân từ 1,2 - 1,3%/năm.

- Giải quyết việc làm hàng năm cho khoảng 400 lao động địa phương, đảm bảo đến năm 2020 có trên 95% lao động trong độ tuổi có việc làm ổn định.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm dần tỷ trọng lao động nông nghiệp, phấn đấu đến năm 2020 lao động nông nghiệp còn dưới 65%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm từ 1,5 - 2%, đến năm 2020 cơ bản không còn hộ nghèo, hạn chế khả năng tái nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống các hộ thoát nghèo, hộ cận nghèo.

- Duy trì vững chắc kết quả đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và THCS, phấn đấu đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục THPT theo đúng tiến độ chung của Tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 45%.

- Phấn đấu đến năm 2015, mỗi trạm y tế xã có ít nhất 1 bác sỹ. Tăng tỷ lệ bác

sỹ/vạn dân đến năm 2015: 5 người, năm 2020: 10 người. Hàng năm có 98 - 100% trẻ em trong độ tuổi được tiêm đầy đủ các loại vắc xin; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi xuống 20% vào năm 2015 và dưới 10% vào năm 2020.

- Phần đầu đến năm 2015 có 33% xã được công nhận đạt tiêu chuẩn xã nông thôn mới và đến năm 2020 có trên 50% xã.

### **3. Các chỉ tiêu về môi trường**

- Tăng cường trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc, nâng độ che phủ rừng lên 45% vào năm 2015 và trên 50% vào năm 2020.

- Tăng tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh lên 80% vào năm 2015 và đạt 95% vào năm 2020.

## **C. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC**

### **I. CÁC NGÀNH KINH TẾ**

**1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản:** Phát triển theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nhằm nâng cao giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích. Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 8,1%/năm.

a) Nông nghiệp: Thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, giảm tỷ trọng ngành trồng trọt. Hình thành các vùng sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, rừng nguyên liệu giấy, các trang trại đa ngành nghề; phát triển số lượng và nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm, trong đó phát triển mạnh đàn bò lai.

- Trồng trọt: Tập trung phát triển một số cây trồng chính:

+ Cây mía: Đây là cây trồng chủ lực. Ổn định diện tích mía hiện có và phát triển thành vùng nguyên liệu tập trung, diện tích đến năm 2020: 3.500 - 3.600ha, sớm hình thành các vùng mía chủ động nước tưới. Chú trọng các biện pháp thâm canh, thay thế các giống mía cũ bằng các giống mía có năng suất, chất lượng cao, khả năng chống chịu sâu bệnh và hạn hán tốt, phần đầu năng suất trên 60 - 70 tấn/ha;

+ Cây sắn: Ổn định diện tích trồng hàng năm từ 120 - 150ha. Sử dụng các giống mới có năng suất và hàm lượng tinh bột cao, phần đầu năng suất đạt 200 tạ/ha;

+ Cây bông vải: Khuyến khích phát triển tại các xã An Lĩnh, Sơn Xuân đưa diện tích trồng lên khoảng 100 - 120ha vào năm 2020, năng suất 18-20 tạ/ha;

+ Cây chè: Khôi phục và phát triển lại diện tích chè ở An Xuân và Sơn Long khoảng 50ha. Đồng thời, tích cực kêu gọi và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế thành lập trang trại sản xuất chè, có kế hoạch xây dựng thương hiệu chè An Xuân;

+ Cây cao su: Đây sẽ là một trong những cây trồng chủ lực trong những năm đến. Nuôi dưỡng diện tích cao su hiện có, đồng thời huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế để đầu tư phát triển cao su tiêu điền. Đến năm 2020 diện tích đạt khoảng 1.000ha (*Sơn Long: 500ha, Sơn Định: 500ha*);

+ Cây ăn quả: Phát triển diện tích cây dứa lên khoảng 1.000ha vào năm 2020. Đồng thời cải tạo diện tích đất vườn tạp, thành lập các trang trại, vườn đồi trồng cây ăn quả: xoài, chuối, mít, đu đủ, bơ, thanh long...;

+ Cây dược liệu: Mở rộng diện tích cây Quế lên 50ha vào năm 2020. Đồng thời trồng xen canh dưới tán rừng các loại cây dược liệu: cây Sa Nhân..., phát triển diện tích trồng cây Thanh Hao hoa vàng tại một số xã An Xuân, An Lĩnh...;

+ Cỏ chăn nuôi: Tận dụng tối đa diện tích đất đai để mở rộng diện tích trồng cỏ, bố trí quỹ đất đến năm 2020 khoảng 500 - 700ha để trồng cỏ năng suất cao phục vụ phát triển chăn nuôi bò;

Ngoài ra, khuyến khích, hỗ trợ nhân dân lựa chọn phát triển các giống cây trồng mới có hiệu quả kinh tế cao để đưa vào sản xuất, đa dạng đối tượng cây trồng: Bời lồi, tre lấy măng...

- Chăn nuôi:

+ Đàn bò: Vẫn là vật nuôi chủ lực của vùng, phát triển theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp. Tận dụng triệt để các nguồn thức ăn nông sản kết hợp mở rộng diện tích trồng cỏ để tăng quy mô đàn bò, nhất là bò thịt. Phấn đấu đến năm 2015 toàn vùng có khoảng 13,5 nghìn con và đến năm 2020 có khoảng 17 nghìn con (*trong đó tỷ lệ bò lai chiếm trên 60%*);

+ Đàn heo: Khuyến khích nuôi theo quy mô hộ gia đình, đầu tư hệ thống chuồng trại hợp lý, khoa học và vệ sinh, phát triển số lượng lên 5.200 - 5.500 con vào năm 2015 và 6.500 - 7.000 con vào năm 2020;

+ Đàn gia cầm: Hình thành một số trang trại chăn nuôi gà, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, du nhập một số giống mới có năng suất, chất lượng cao vào chăn nuôi. Phát

triển quy mô lên khoảng 20.000 con vào năm 2015 và 25.000 - 27.000 con vào năm 2020;

Ngoài ra, trên cơ sở khai thác điều kiện đặc thù của từng vùng, tận dụng vườn nhà, vườn đồi, vườn rừng khuyến khích phát triển đa dạng các vật nuôi như: heo rừng, dê, nhím, cheo, ngựa, ong lấy mật...

b) Phát triển lâm nghiệp: Đẩy mạnh công tác bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng mới rừng. Thực hiện giao đất, giao rừng cho các hộ dân, các thành phần kinh tế có nhu cầu sản xuất lâm nghiệp; phát triển mô hình nông lâm kết hợp, tăng cường công tác khuyến lâm, phát triển kinh tế trang trại theo mô hình cây ăn quả với mục đích bảo vệ rừng. Đến năm 2020, nâng độ che phủ rừng lên trên 50%.

c) Phát triển nuôi trồng thủy sản: Tận dụng tối đa diện tích mặt nước, ao hồ: hồ Vân Hòa, Suối Phèn... để nuôi thả cá đáp ứng nhu cầu tại chỗ.

d) Phát triển kinh tế trang trại: Tạo điều kiện thuận lợi về vốn, kỹ thuật, giống, thị trường... cho các trang trại hiện có nâng cao hiệu quả sản xuất, đồng thời phát triển thêm các trang trại mới để đến năm 2020 toàn vùng có trên 50 trang trại hoạt động hiệu quả.

**2. Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:** Phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có lợi thế về nguyên liệu và lao động tại chỗ. Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 20,3%/năm.

a) Khai thác - chế biến khoáng sản: Tiếp tục tạo điều kiện để các nhà máy khai thác chế biến khoáng sản phát huy công suất, nâng cao hiệu quả hoạt động. Tăng cường xúc tiến, kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các nhà máy khai thác và chế biến quặng điatomit, đá granit, đá xây dựng, sản xuất gạch ngói.

b) Chế biến nông, lâm sản: Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến nông sản: chế biến mủ cao su; chế biến gỗ rừng trồng; sấy sản phẩm khô từ trái cây; chế biến thịt gia súc, gia cầm... gắn với quy hoạch phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, ổn định.

c) Sản xuất và phân phối điện, nước: Tiếp tục nâng cấp, cải tạo hệ thống lưới điện trên toàn vùng. Xây mới nhà máy nước khu vực Vân Hòa công suất 3.000 - 5.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm nhằm đáp ứng nhu cầu nước sạch cho các xã trong vùng.

d) Cơ khí chế tạo: Củng cố và hỗ trợ các cơ sở cơ khí tiếp tục phát triển.

e) Tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn:

- Khuyến khích, kêu gọi đầu tư ngành nghề chế tác đá mỹ nghệ khu vực Đá Bàn, xã Sơn Xuân; phát triển ngành đan lát, mây, tre, nứa lá, bẹ chuối tại xã An Lĩnh;

- Khuyến khích phát triển ngành nghề sản xuất đá viên.

g) Tổ chức lãnh thổ sản xuất công nghiệp

- Cập nhật, bổ sung vào quy hoạch mạng lưới các cụm công nghiệp tỉnh: cụm công nghiệp tại Động Kê Gai - xã An Lĩnh, quy mô 5-10 ha và đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện mặt bằng để thu hút các thành phần kinh tế;

- Hỗ trợ, huy động vốn đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nghề chế tác đá mỹ nghệ Sơn Xuân.

**3. Phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch:** Phân đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 16,5%/năm.

a) Thương mại:

- Khuyến khích phát triển mạnh thương mại tư nhân, hình thành mạng lưới các cửa hàng, điểm thu mua và bán hàng tại các đầu mối giao thông: trên trục dọc miền Tây, các tuyến tỉnh lộ, tại các thôn, vùng, trung tâm cụm xã...;

- Củng cố và từng bước đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng thương mại, nâng cấp các chợ hiện có. Hỗ trợ xây mới chợ tại các xã Sơn Xuân, Sơn Định và thôn Phú Mỹ (xã An Thọ). Khôi phục và phát triển chợ Đồn tại Sơn Long, từng bước phát triển thành chợ loại II, trung tâm thương mại của vùng Vân Hòa;

- Khuyến khích đầu tư xây dựng các cửa hàng xăng dầu trên trục giao thông phía Tây, ĐT648; trung tâm xã Sơn Định; trung tâm xã Sơn Long.

b) Du lịch: Khai thác các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, khí hậu, địa hình để phát triển mạnh các loại hình du lịch sinh thái, đồng quê, văn hóa.

- Lập quy hoạch và đầu tư xây dựng đô thị du lịch Vân Hòa tại Sơn Long;

- Kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư các vị trí có nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, thể thao, leo núi mạo hiểm: Thác Hàn; Đá Bàn; Vực Hòm, Vực Song; Vực Đá Nhà, hồ Vân Hòa, hồ Suối Phèn;

- Đẩy mạnh đầu tư bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa: Nhà thờ Bác Hồ, Hội trường Mùa Xuân, Địa đạo gò Thì Thùng... kết hợp với phát triển du lịch văn hóa, tham quan, lịch sử, về nguồn;

- Tạo điều kiện nâng lễ hội đua ngựa truyền thống hàng năm ở xã An Xuân lên quy mô cấp tỉnh và khu vực;

- Phối hợp hình thành và tổ chức tốt các tour du lịch qua địa bàn.

c) Dịch vụ:

- Phát triển các loại hình dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp. Mở rộng các hoạt động tín dụng ngân hàng. Phát triển các loại hình bảo hiểm, chú trọng bảo hiểm trong nông nghiệp;

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển dịch vận tải. Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin liên lạc, mở rộng bán kính phủ sóng điện thoại di động đến các xã;

- Nghiên cứu đầu tư bưu điện trung tâm vùng.

## **II. PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI**

### **1. Dân số, lao động, việc làm, giảm nghèo**

- Duy trì tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân từ 1,2 - 1,3%/năm.

- Phấn đấu bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 400 lao động.

- Đến năm 2020 lao động nông nghiệp giảm còn dưới 65%.

- Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm từ 1,5 - 2%, đảm bảo đến năm 2020 cơ bản không còn hộ nghèo, nâng cao chất lượng các hộ đã thoát nghèo, các hộ cận nghèo, ngăn chặn tình trạng hộ tái nghèo.

### **2. Giáo dục - đào tạo**

a) Giáo dục:

- Tạo mọi điều kiện cho trẻ em, học sinh, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo đều có cơ hội học tập để nâng cao trình độ.

- Củng cố và duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, THCS, phấn đấu đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục THPT theo đúng tiến độ chung của Tỉnh.

+ Huy động trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ năm 2015: 30%; năm 2020: 45%; trẻ từ 3 - 5 tuổi vào lớp mẫu giáo đạt 70% năm 2015 và 80% năm 2020. Trẻ 5 tuổi vào lớp mẫu giáo đạt 98% năm 2015 và 100% vào năm 2020;

+ Năm 2015, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; học sinh trong độ tuổi 11 - 14 đến trường THCS đạt 98%; học sinh trong độ tuổi 15 - 17 đến trường THPT đạt 60%;

+ Năm 2020, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; học sinh trong độ tuổi 11 - 14 đến trường THCS đạt 99%; học sinh trong độ tuổi 15 - 17 đến trường THPT đạt trên 75%.

- Đẩy nhanh hoàn thành chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên, tiếp tục phát triển hệ thống trường, lớp đến các vùng dân cư. Phần đầu tăng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia năm 2015: 20% và năm 2020 trên 50%.

- Xây mới trung tâm giáo dục thường xuyên, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề tại khu vực xã Sơn Long vào 2015, làm cả ba nhiệm vụ: giáo dục thường xuyên, kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp và dạy nghề cho học sinh trong vùng.

#### b) Đào tạo:

- Phần đầu bình quân mỗi năm đào tạo từ 900 - 1.000 người (*gồm cả đào tạo mới và đào tạo lại*), trong đó giai đoạn 2011-2015: 800 người/năm, giai đoạn 2016-2020: 1.000 người/năm; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 45%;

- Ngoài đào tạo tại chỗ, phối hợp với các trung tâm, trường dạy nghề trong tỉnh để đào tạo nghề cho lao động địa phương;

- Ưu tiên đào tạo các ngành: Kỹ thuật nông lâm nghiệp, thú y, cơ khí sửa chữa, chế biến nông sản, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp: *may mặc, làm nôm...*

### 3. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Tăng cường năng lực hoạt động cho các cơ sở y tế hiện có, cải thiện và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị các trạm y tế xã, phòng khám; xây mới bệnh viện quy mô cấp huyện (*khoảng 30 - 50 giường*) và trung tâm y tế dự phòng; số lượng giường bệnh/vạn dân năm 2015: 20 giường và 25 giường năm 2020.

- Tiếp tục thực hiện các mục tiêu của chương trình quốc gia thanh toán một số bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm, hạ thấp tỷ lệ người mắc bệnh sốt rét, bướu cổ...

- Quan tâm chăm sóc sức khỏe trẻ em, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống 20% vào năm 2015 và dưới 10% năm 2020, đảm bảo 98 - 100% trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ 6 loại vắc xin cơ bản.

### 4. Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao

- Phần đầu đến năm 2015, toàn vùng có 85% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, 65% thôn, buôn và 33% xã văn hóa, tương ứng đến năm 2020: 95%; 85%; 50%.

- Đầu tư hoàn chỉnh di tích Nhà thờ Bác Hồ; Khu căn cứ kháng chiến của tỉnh; phục hồi di tích Địa đạo Gò Thi Thùng; Xưởng 200 sản xuất vũ khí Tỉnh đội; Trạm xá

Tỉnh đội Y18, Trạm xá Trúc Bạch...; nâng lễ hội đua ngựa truyền thống ở xã An Xuân lên quy mô cấp tỉnh và khu vực; xây dựng và bảo tồn buôn làng văn hóa của đồng bào các dân tộc: *buôn Hòa Ngãi - Sơn Hòa...*

- Tăng cường cơ sở vật chất cho ngành thể dục thể thao; phấn đấu đến năm 2020, 100% xã có sân bóng đá, quy mô từ 1 - 1,5 ha và sân bóng chuyên từ 600 - 1.000m<sup>2</sup>, thường xuyên tổ chức các giải thi đấu bóng chuyên, bóng đá... liên xã, liên thôn tạo sân chơi lành mạnh cho thanh thiếu niên. Chú trọng xây dựng trung tâm văn hóa thể thao vùng, phấn đấu đến năm 2020 trên 50% dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

### **III. PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

- Áp dụng công nghệ sinh học để tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, sạch bệnh, thích nghi với từng tiểu vùng sinh thái. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, hỗ trợ, hướng dẫn người dân áp dụng những mô hình sản xuất tiên tiến: IPM, VAC, VACR... Thực hiện đồng bộ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp từ khâu làm đất, thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch để nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Khuyến khích và tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư sử dụng công nghệ hiện đại trong khai thác và chế biến đá ốp lát, cát, đá xây dựng thông thường.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tin học vào công tác quản lý, giáo dục và đào tạo; tạo điều kiện cho nhân dân từng bước tiếp cận Internet.

### **IV. PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG**

#### **1. Hệ thống giao thông - vận tải**

a) Giao thông đối ngoại: phát triển gắn kết với hệ thống giao thông của Tỉnh, lấy các tuyến tỉnh lộ làm trục chính, tạo hành lang quan hệ với các khu vực lân cận:

- Đẩy nhanh đầu tư nâng cấp các tuyến tỉnh lộ đoạn qua địa bàn: ĐT643; ĐT642; ĐT650;

- Đầu tư tuyến đường nối thành phố Tuy Hòa (từ xã Hòa Kiến) - Tuy An - Sơn Hòa (xã lộ 20 kéo dài);

- Đầu tư nâng cấp tuyến An Thọ - Bình Kiến;

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư nâng cấp tuyến từ Ngân Điền - Vân Hòa (tuyến ĐT648).

b) Giao thông đối nội:

- Huy động nguồn lực đầu tư các tuyến giao thông liên xã: (1) Tuyến vùng 2 (*An Xuân*) - Xuân Phước (*Đông Xuân*) dài 13km; (2) Tuyến từ An Lĩnh - An Hiệp (*Tuy An*) dài 10km; (3) Tuyến từ Gò Thi Thùng (*An Xuân*) - An Lĩnh dài 10km; (4) Tuyến từ An Lĩnh - Sơn Long dài 15km; (5) Tuyến từ An Lĩnh - An Thọ dài 12km; (6) Tuyến nối từ ĐT648 đến thác Hàn (*Sơn Xuân*) dài 4 km; (7) Tuyến nối từ ĐT648 đến Suối Lỗ Bàn dài 5km (*Sơn Xuân*); (8) Tuyến nối từ ĐT643 đến khu vực Hòn Đất (*Sơn Định*) dài 5km.... (9) Mở tuyến giao thông liên xã từ Phước Tân - Suối Gấu (*Sơn Xuân*) - Sơn Long; nghiên cứu xây dựng cầu qua hồ Vân Hòa theo ngã ba cũ thẳng qua ĐT643; mở đường vào hồ Hòa Thuận cũ, đường vào Gõ Dư cũ để bố trí dân cư thuộc địa bàn xã Sơn Định.

- Triển khai quy hoạch và đầu tư phát triển hệ thống giao thông nội bộ tại đô thị trung tâm vùng, chuẩn bị một bước để hình thành thị trấn - huyện lỵ Vân Hòa.

- Ngoài ra, với nguồn vốn nhà nước và nhân dân cùng làm, hàng năm mỗi xã huy động đầu tư bê tông hóa từ 0,5-1km giao thông thôn xóm và giao thông nội đồng.

Bến, bãi đỗ xe: Xây mới bến xe tại Sơn Long đạt tiêu chuẩn loại 6, gắn với quá trình thành lập huyện mới.

## **2. Hệ thống bưu chính, viễn thông**

- Hỗ trợ nâng cấp và đầu tư trang thiết bị cho 6 bưu điện văn hóa xã.

- Đầu tư xây dựng bưu điện trung tâm vùng với tổng đài khoảng 15 - 20 nghìn số vào sau 2015; nâng cao chất lượng thu, phát sóng di động của các trạm BTS và phát triển mở rộng đến các vùng dân cư.

- Phát triển dịch vụ tiết kiệm bưu điện, dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ trả lương hưu, các dịch vụ viễn thông... tại các bưu điện văn hóa xã.

## **3. Hệ thống cấp điện**

Cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện toàn vùng theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, những nơi lưới điện 2 pha cần nâng cấp thành 3 pha để phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống. Đồng thời xây mới nhánh rẽ và trạm biến áp phân phối để cấp điện cho các thôn, làng, xóm chưa có điện, đảm bảo trước năm 2012, 100% hộ dân được sử dụng điện, trong đó cần quan tâm: Đầu tư mới đường dây hạ áp đến thôn Quảng Đức - xã An Thọ; thôn Xuân Bình - xã An Xuân; khu dân cư mới Đuôi Dộc Đỏ (*xã Sơn Xuân*); xóm Phú Tân, thôn Lương Sơn (*xã Sơn Xuân*); xóm Trong, thôn Lương Sơn (*xã Sơn Xuân*) và các khu dân cư đang quy hoạch.

## **4. Hệ thống cấp, thoát nước**

a) Hệ thống cấp nước: Tiếp tục đầu tư nâng cấp các công trình cấp nước hiện có và phát triển một số công trình mới với quy mô phù hợp nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

- Cấp nước đô thị: Xây mới nhà máy nước tại vùng Vân Hòa công suất từ 3.000 - 5.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm gắn với quá trình thành lập huyện mới.

- Cấp nước nông thôn: Thông qua các chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi 134, 135..., tiếp tục cải tạo các công trình xuống cấp và xây mới tại các trung tâm cụm xã, trung tâm xã, các vùng tập trung đông dân cư, các khu vực khó khăn về nguồn nước.

b) Hệ thống thoát nước:

- Tiến hành quy hoạch và đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước tại đô thị trung tâm vùng theo tiêu chuẩn thoát nước đô thị.

- Tại các điểm dân cư nông thôn, trước mắt xây dựng hệ thống thoát nước chung (*cống, rãnh, mương tiêu*), nếu có điều kiện thực hiện cứng hóa và thay thế mương hở bằng cống ngầm.

## 5. Hệ thống thủy lợi

Nâng cấp, cải tạo hồ Suối Bướm, hồ Bầu Đô, hồ Miếu Bạch trên địa bàn xã An Xuân. Nâng cấp, cải tạo đập Đồng Ké, xây mới đập Đồng Máng, đập Đồng Dài, đập Đồng Các trên địa bàn xã An Lĩnh. Xây mới hồ Trung Trinh thượng, hồ Quản Lê trên địa bàn xã Sơn Long; xây mới hồ Suối Gấu (*hồ Đồng Bầu*), hồ Đồng Cầu trên địa bàn xã Sơn Xuân.

## V. ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG AN NINH

**1. Quốc phòng:** Đẩy mạnh công tác tuần tra, bảo vệ an ninh khu vực, duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Tập trung xây dựng, huấn luyện quân dự bị động viên và dân quân tự vệ. Tiếp tục tổ chức diễn tập phòng thủ. Chỉ đạo tốt công tác giao quân hàng năm. Tiếp tục xây dựng các công trình phòng thủ và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho khu kinh tế gắn kết với quốc phòng.

**2. Về an ninh:** Triển khai, thực hiện một cách sâu rộng, có hiệu quả chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, chương trình hành động phòng chống ma túy, về đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

## VI. PHÂN VÙNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÀ PHÁT TRIỂN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

## **1. Phân vùng phát triển kinh tế - xã hội**

a) Tiểu vùng 1: Bao gồm 3 xã Sơn Long, Sơn Định, Sơn Xuân, diện tích tự nhiên: 149,2km<sup>2</sup>, mật độ dân số trung bình năm 2009: 34 người/km<sup>2</sup>. Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, khai thác cảnh quan tự nhiên, di tích lịch sử, khí hậu để phát triển du lịch sinh thái và làng quê, phát triển các hoạt động thương mại; cần lập quy hoạch và tập trung đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng để hình thành đô thị... chuẩn bị một bước để thành lập huyện mới.

b) Tiểu vùng 2: Bao gồm 3 xã An Xuân, An Lĩnh, An Thọ, diện tích tự nhiên: 137,7km<sup>2</sup>, mật độ dân số trung bình năm 2009: 80 người/km<sup>2</sup>. Phát triển kinh tế nông lâm nghiệp, kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư các nhà máy khai thác và chế biến khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, xây dựng các nhà máy chế biến nông lâm sản.

## **2. Phát triển đơn vị hành chính**

Lập đề án kiến nghị Tỉnh trình Chính phủ thành lập huyện Vân Hòa trên cơ sở các xã Sơn Long, Sơn Định, Sơn Xuân, An Xuân, An Lĩnh, An Thọ vào thời điểm thích hợp, trong đó dự kiến thị trấn tại khu vực xã Sơn Long.

## **VII. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Định hướng sử dụng đất**

a) Đất nông nghiệp:

- Đất sản xuất nông nghiệp: Bên cạnh chuyển đổi một số diện tích đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp, tích cực khai thác đất chưa sử dụng để trồng cây công nghiệp, cây ăn quả. Diện tích đến năm 2020, chiếm 39% tổng diện tích tự nhiên;

- Đất lâm nghiệp: Đẩy mạnh công tác khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ tốt rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng. Khai thác đất trống đồi núi trọc để trồng rừng, phát triển mạnh kinh tế rừng nguyên liệu giấy. Diện tích đến năm 2020 chiếm 42% tổng diện tích tự nhiên.

b) Đất phi nông nghiệp: Tăng và chiếm 8% tổng diện tích tự nhiên, trong đó đất chuyên dùng chiếm 5,2% và đất ở chiếm 2,8%.

c) Đất chưa sử dụng: Trong giai đoạn 2011-2020 sẽ khai thác khoảng 1.720 ha diện tích đất chưa sử dụng sang phục vụ phát triển nông nghiệp, trồng rừng, xây dựng kết cấu hạ tầng (*trong đó đất bằng chưa sử dụng: 1.000 ha và 720 ha đất đồi núi chưa sử dụng*). Đến năm 2020, diện tích chưa sử dụng còn khoảng 11% tổng diện tích tự nhiên.

## **2. Bảo vệ môi trường**

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường; xã hội hóa các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

- Đầu tư nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường: Trong đó ưu tiên nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng các bãi rác tập trung tại trung tâm vùng, trung tâm các xã, hệ thống xử lý chất thải tại các nhà máy chế biến. Các công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, của Tỉnh triển khai đầu tư các dự án cải tạo môi trường, chống suy thoái môi trường trên địa bàn.

## **D. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM ĐÔ THỊ TRUNG TÂM VÙNG - THỊ TRẤN SƠN LONG**

### **I. TÍNH CHẤT ĐÔ THỊ**

- Là đô thị loại V, sẽ là thị trấn huyện lỵ của huyện mới.

- Là trung tâm kinh tế, hành chính, văn hoá, giáo dục - đào tạo, du lịch, dịch vụ của huyện Vân Hòa, có vị trí trọng yếu về an ninh quốc phòng.

### **II. QUỸ ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ**

- Tổng diện tích đất tự nhiên xã Sơn Long là 4.540ha bao gồm 4 thôn Suối Phèn, Vân Hòa, Trung Trinh, và Phong Hậu.

- Quỹ đất dự kiến xây dựng đô thị thuộc địa phận thôn: Suối Phèn, Vân Hòa và một phần thôn Liên Sơn.

### **III. PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**

#### **1. Các hướng phát triển không gian đô thị**

Lấy tuyến đường ĐT643 làm trục chính trung tâm. Đô thị có 4 hướng phát triển như sau:

- Hướng phía Bắc: Phát triển đến ranh giới xã An Lĩnh.

- Hướng phía Đông: Phát triển đến ranh giới xã An Thọ.

- Hướng phía Tây: Phát triển đến ngã ba Phong Hậu - Trung Trinh - Suối Phèn.

- Hướng phía Nam: Phát triển đến ranh giới Lương Sơn xã Sơn Xuân.

#### **2. Các trục không gian chính đô thị**

- Trục tỉnh lộ ĐT643.

- Trục An Lĩnh - Sơn Long - Sơn Xuân.
- Trục Hòn Đồn - An Lĩnh - Vân Hòa nối với trục ĐT648.

**E. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ:** (Có phụ lục đính kèm).

## **G. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

### **I. HUY ĐỘNG VÀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ**

**1. Nhu cầu vốn đầu tư:** Nhu cầu vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng cao nguyên Vân Hòa giai đoạn 2011-2020 ước khoảng 1.974 tỷ đồng, bình quân mỗi năm đầu tư 197 tỷ đồng. Trong đó, giai đoạn 2011-2015: 561 tỷ đồng; giai đoạn 2016-2020: 1.413 tỷ đồng.

**2. Dự kiến từ các nguồn:** Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả sự hỗ trợ đầu tư của Tỉnh, Trung ương và ngân sách địa phương): chiếm khoảng 45-50% tổng vốn; vốn doanh nghiệp, nhân dân: 30-35%; vốn tín dụng và vốn khác: 10-15%.

### **II. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC**

- Nâng cao trình độ văn hóa của người dân.
- Tăng cường thể chất, văn hóa tinh thần cho người lao động.
- Tăng cường công tác đào tạo.

### **III. GIẢI PHÁP VỀ ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀO SẢN XUẤT**

- Tăng cường sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành về phát triển khoa học công nghệ, tiếp tục triển khai các đề tài khoa học công nghệ trên địa bàn. Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển và tăng gia hoạt động khoa học và công nghệ (*thử nghiệm lai tạo giống cây trồng, vật nuôi...*).

- Đẩy mạnh tuyển chọn và gửi cán bộ khoa học công nghệ có đủ năng lực và phẩm chất tốt thuộc các lĩnh vực ngành nghề ưu tiên phát triển đi đào tạo. Thực hiện chế độ đãi ngộ; cải thiện phương tiện, trang bị làm việc cho cán bộ khoa học công nghệ.

- Thu hút sự giúp đỡ, tư vấn, hợp tác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đào tạo nhân lực khoa học công nghệ trình độ cao và liên kết thực hiện các công trình khoa học công nghệ.

## **IV. NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

### **1. Hoàn thiện bộ máy hành chính**

- Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh; bộ máy hành chính tinh gọn, minh bạch. Tăng cường bồi dưỡng trình độ chuyên môn, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống cho cán bộ công chức đáp ứng nhu cầu công việc.

- Chuẩn bị một bước về nhân sự và cơ sở vật chất để hình thành cơ quan hành chính cấp huyện khi thành lập huyện Vân Hòa, đảm bảo mỗi công việc đều có một cơ quan cụ thể để giải quyết.

### **2. Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước**

a) Cải cách hành chính: Tiếp tục thực hiện chương trình đổi mới quản lý các dịch vụ công; thực hiện việc đổi mới cơ chế sắp xếp và bổ nhiệm nhân sự theo hướng nâng cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức; thực hiện các biện pháp hiện đại nền hành chính.

b) Đổi mới tư duy quản lý hành chính: Phát huy tính chủ động, khắc phục tư tưởng trông chờ vào cấp trên, tạo điều kiện cho thế hệ trẻ phát huy năng lực cá nhân. Phát huy vai trò các cấp chính quyền, đoàn thể; nâng cao vai trò lãnh đạo địa phương: đi sâu, đi sát tình hình địa phương để có kế hoạch, kiến nghị hợp lý, kịp thời.

## **H. ĐIỀU HÀNH VÀ THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

1. Thành lập Ban phát triển kinh tế - xã hội vùng cao nguyên Vân Hòa để tổ chức triển khai thực hiện thống nhất và đồng bộ Quy hoạch.

- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quy hoạch; phổ biến và vận động nhân dân tham gia thực hiện Quy hoạch.

- Thường xuyên cập nhật cụ thể các nội dung Quy hoạch.

- Cụ thể hóa Quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hàng năm.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Quy hoạch.

2. Các sở, ngành của Tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ban phát triển kinh tế - xã hội vùng cao nguyên Vân Hòa, các địa phương liên quan để triển khai thực hiện tốt công tác quy hoạch ngành trên địa bàn, nhất là lập quy hoạch xây dựng chung toàn vùng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch các khu dân cư, quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Vân Hòa... Đồng thời xây dựng các chương trình, dự án đầu tư cụ thể và đẩy mạnh làm việc với các Bộ, ngành Trung ương, các thành phần kinh tế để xúc tiến, kêu gọi đầu tư hiệu quả.

**Điều 2.** Các ông: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện: Sơn Hòa, Tuy An và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Đình Cự**

**DANH MỤC MỘT SỐ DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN  
GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020**

STT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô, công suất	Dự kiến vốn đầu tư (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư	
					2011- 2015	2016- 2020
<b>A</b>	<b>CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG</b>					
<b>I</b>	<b>Hệ thống giao thông</b>					
1	Đầu tư nâng cấp các tuyến ĐT643; ĐT642; ĐT648; ĐT650	Toàn vùng	90km (27+15+18+30)	1.514	757	757
2	Đầu tư xây mới tuyến vùng 2 (An Xuân) - Xuân Phước (Đồng Xuân)	An Xuân	13km	119		119
3	Đầu tư xây mới tuyến từ An Lĩnh - An Hiệp	An Lĩnh	10km	92		92
4	Đầu tư xây mới tuyến từ Gò Thì Thùng (An Xuân) - An Lĩnh	An Xuân, An Lĩnh	10km	92	92	
5	Đầu tư xây mới tuyến từ An Lĩnh - Sơn Long	An Lĩnh, An Xuân	15km	138	8	130
6	Đầu tư xây mới tuyến từ An Lĩnh - An Thọ	An Lĩnh, An Thọ	12km	110	110	
7	Đầu tư xây mới tuyến từ Sơn Xuân ( <i>Suối Gấu</i> ) - Sơn Long ( <i>Phong Cao</i> )	Sơn Xuân, Sơn Long	5km	46		46
8	Đầu tư xây mới tuyến nối từ ĐT648 đến thác Hàn	Sơn Xuân	4km	37	37	
9	Đầu tư xây mới tuyến nối từ ĐT648 đến suối Lỗ Bàn	Sơn Xuân	5km	46	46	
10	Đầu tư xây mới tuyến nối từ ĐT643 đến Hòn Đát	Sơn Định	5km	46	46	
11	Đầu tư xây mới bến xe Vân Hòa	Sơn Long	1ha	5		5
<b>II</b>	<b>Hệ thống thủy lợi</b>					
1	Nâng cấp, cải tạo hồ Suối Bướm	An Xuân	8ha	1,5	1,5	
2	Nâng cấp, cải tạo hồ Bầu Đô	An Xuân	8ha	1,5	1,5	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô, công suất	Dự kiến vốn đầu tư (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư	
					2011- 2015	2016- 2020
3	Nâng cấp, cải tạo hồ Miếu Bịch	An Xuân	5ha	1	1	
4	Nâng cấp, cải tạo đập Đồng Kế	An Lĩnh	20ha	3	3	
5	Xây mới đập Đồng Máng	An Lĩnh	20ha	3	3	
6	Xây mới đập Đồng Dài	An Lĩnh	30ha	5	5	
7	Xây mới đập Đồng Các	An Lĩnh	15ha	2		2
8	Xây mới hồ Trung Trinh thượng	Sơn Long	30ha	5	5	
9	Xây mới hồ Quán Lê	Sơn Long	8ha	1,5		
10	Xây mới hồ Suối Gấu (hồ Đồng Bầu)	Sơn Xuân	30ha	10		10
11	Xây mới hồ Đồng Cầu	Sơn Xuân	20ha	5		5
<b>III</b>	<b>Hệ thống cấp nước</b>					
1	Xây mới nhà máy nước Vân Hòa	Sơn Long	3.000 - 5.000 m <sup>3</sup> /ngày.đêm	15		15
2	Đầu tư cải tạo các công trình cấp nước tập trung tại thôn Vân Hòa, Phong Hậu	Sơn Long	70m <sup>3</sup> /ngày đêm/công trình	0,21	0,21	
3	Đầu tư cải tạo các công trình cấp nước tập trung thôn xã Sơn Xuân	Sơn Xuân	70m <sup>3</sup> /ngày.đêm	0,11	0,11	
4	Đầu tư cải tạo các công trình cấp nước tập trung thôn Hòa Bình, Hòa Nghĩa, Hòa Bình	Sơn Định	70m <sup>3</sup> /ngày đêm/công trình	0,32	0,32	
5	Đầu tư cải tạo các công trình cấp nước tập trung thôn Thái Long và thôn Phong Thái	An Lĩnh	70m <sup>3</sup> /ngày đêm/công trình	0,21	0,21	
6	Đầu tư xây mới công trình cấp nước tập trung tại thôn Phú Cản	An Thọ	100m <sup>3</sup> /ngày.đêm	0,42	0,42	
7	Đầu tư cải tạo và xây mới hệ thống giếng đào, giếng khoan	Toàn vùng	1.000 giếng đào, giếng khoan	5	2	3

STT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô, công suất	Dự kiến vốn đầu tư (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư	
					2011- 2015	2016- 2020
<b>IV</b>	<b>Hệ thống lưới điện</b>					
1	Nâng cấp cải tạo hệ thống lưới điện	Toàn vùng		6	4	2
2	Xây mới nhánh rẽ và trạm biến áp phân phối thôn Quảng Đức	An Thọ		1,5	1,5	
3	Xây mới nhánh rẽ và trạm biến áp phân phối thôn Xuân Bình	An Xuân		1,5	1,5	
4	Xây mới nhánh rẽ và trạm biến áp phân phối thôn khu dân cư mới Đuôi Dốc Đỏ	Sơn Xuân		1,5	1,5	
5	Xây mới nhánh rẽ và trạm biến áp phân xóm Phú Tân, thôn Lương Sơn	Sơn Xuân		1,5	1,5	
6	Xây mới nhánh rẽ và trạm biến áp phân phối xóm Trong, thôn Lương Sơn	Sơn Xuân		1,5	1,5	
<b>V</b>	<b>Hệ thống bưu chính viễn thông</b>					
1	Nâng cấp và đầu tư trang thiết bị cho các bưu điện văn hóa xã	Toàn vùng		1	1	
2	Xây mới bưu điện trung tâm vùng	Sơn Long	15.000 - 20.000 số	6		6
3	Xây mới các trạm BTS phát sóng di động	Toàn vùng		1,28	1,28	
<b>VI</b>	<b>Giáo dục - đào tạo</b>					
1	Kiên cố hóa hệ thống trường học, lớp học theo hướng đạt chuẩn quốc gia	Toàn vùng		10	10	
2	Xây mới các phân trường mẫu giáo	Toàn vùng		4	4	
3	Thành lập và xây mới các trường THCS tại xã Sơn Xuân	Sơn Xuân	5-10 phòng	3		3

STT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô, công suất	Dự kiến vốn đầu tư (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư	
					2011-2015	2016-2020
4	Thành lập và xây mới trường THCS tại xã Sơn Định	Sơn Định	5-10 phòng	3		3
5	Thành lập và xây mới trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp	Sơn Long		5		5
6	Thành lập và xây mới trung tâm dạy nghề	Sơn Long		5		5
<b>VII</b>	<b>Y tế - chăm sóc sức khỏe nhân dân</b>					
1	Nâng cấp cải tạo và đầu tư trang thiết bị các trạm y tế xã	Toàn vùng	5-10 giường	3	3	
2	Nâng cấp cải tạo và đầu tư trang thiết bị phòng khám đa khoa	Sơn Long	10 giường	5	5	
3	Xây mới Bệnh viện đa khoa trung tâm Vân Hòa	Sơn Long	30-50 giường	30		30
4	Xây dựng Trung tâm y tế dự phòng Vân Hòa	Sơn Long		10		10
<b>VIII</b>	<b>Văn hóa thông tin - thể dục thể thao</b>					
1	Xây mới trung tâm Văn hóa, thể thao Vân Hòa	Sơn Long		3		3
2	Xây mới trung tâm văn hóa, thể thao các xã	Toàn vùng		6	3	3
3	Xây mới các nhà văn hóa thôn	Toàn vùng		3	3	
4	Nâng cấp, cải tạo hệ thống phát thanh xã	Toàn vùng		3	3	
5	Xây dựng trạm thu sóng phát thanh, truyền hình Vân Hòa	Sơn Long		5		5
6	Đầu tư hoàn thiện cụm di tích Nhà thờ Bác Hồ, Hội trường mùa Xuân	Sơn Định, Sơn Long		4	4	
7	Đầu tư tôn tạo di tích lịch sử cấp quốc gia Địa đạo Gò Thi Thùng	An Xuân		5		5
8	Nâng cấp lễ hội đua ngựa truyền thống	An Xuân	Cấp tỉnh	5	3	2

STT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô, công suất	Dự kiến vốn đầu tư (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư	
					2011-2015	2016-2020
9	Đầu tư phục hồi các di tích cách mạng: Xưởng 200 sản xuất vũ khí Tỉnh đội; Trạm xá Tỉnh đội Y18 (Sơn Xuân), Trạm xá Trúc Bạch (Sơn Định)...	Sơn Long, Sơn Định, Sơn Xuân		5	2,5	2,5
<b>IX</b>	<b>Hạ tầng đô thị</b>					
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng nâng Sơn Long thành thị trấn, đô thị loại V	Sơn Long		20		20
2	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, đoàn thể huyện Vân Hòa	Toàn vùng		50		50
<b>X</b>	<b>Hạ tầng công nghiệp - TTCN</b>					
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng điểm công nghiệp - TTCN Động Kê Gai	An Lĩnh	5-10 ha	25		25
<b>XI</b>	<b>Hạ tầng thương mại - dịch vụ</b>					
1	Xây mới chợ trung tâm Vân Hòa	Sơn Long		5		5
2	Xây mới chợ trung tâm xã Sơn Xuân	Sơn Xuân		2	2	
3	Xây mới chợ trung tâm xã Sơn Định	Sơn Định		2	2	
4	Xây mới chợ Phú Mỹ	An Thọ		2	2	
<b>B</b>	<b>CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT</b>					
<b>I</b>	<b>Nông lâm nghiệp</b>					
1	Phát triển vùng nguyên liệu mía, điều, sắn, cao su	Sơn Long, Sơn Định, Sơn Xuân		10	10	
2	Phát triển vùng nguyên liệu giấy	An Lĩnh, Sơn Long, Sơn Định, Sơn Xuân		5	5	
3	Cải tạo, khôi phục vườn chè; phát triển trang trại chè	Sơn Long, An		5	5	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô, công suất	Dự kiến vốn đầu tư (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư	
					2011-2015	2016-2020
		Xuân				
4	Cải tạo và phát triển đàn bò thịt	Toàn vùng		10	5	5
5	Phát triển các đối tượng vật nuôi mới: Nai, nhím, heo rừng, ong lấy mật...	Toàn vùng		2	2	
<b>II</b>	<b>Sản xuất công nghiệp và TTCN</b>					
1	Xây dựng nhà máy khai thác và chế biến đá xây dựng, đá granit, điatomit...	An Xuân, An Thọ, Sơn Xuân		100	50	50
2	Xây dựng nhà máy chế biến trái cây và nước hoa quả	An Lĩnh, An Định		15	15	
3	Xây dựng nhà máy chế biến chè gắn với phát triển trang trại chè	An Xuân		15		15
4	Xây dựng nhà máy chế biến bông vải	An Lĩnh		15	15	
5	Xây dựng nhà máy chế biến súc sản	An Lĩnh		15	15	
6	Xây dựng cơ sở sản xuất mây tre, nứa lá...	xã An Lĩnh		10	10	
<b>II</b>	<b>Phát triển thương mại - dịch vụ</b>					
1	Đầu tư, khai thác điểm du lịch sinh thái Thác Hàn	Sơn Xuân		20	20	
2	Đầu tư, khai thác điểm du lịch sinh thái vực Hòm, vực Song	An Lĩnh		10		10
3	Đầu tư, khai thác điểm du lịch sinh thái Đá Bàn	An Lĩnh		10		10
4	Đầu tư, khai thác điểm du lịch sinh thái Suối Bén	Sơn Long		10		10
5	Đầu tư các khu du lịch, resort, nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí...	Sơn Long		40	20	20